

Phụ lục
THUYẾT MINH PHƯƠNG PHÁP TÍNH ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG
THIỆT HẠI ĐỐI VỚI VẬT NUÔI LÀ THỦY SẢN
(Kèm theo Văn bản số /SNNMT-CCCNTS ngày tháng năm 2026 của
Sở Nông nghiệp và Môi trường)

Đơn giá bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản được xác định trên cơ sở chi phí sản xuất tương ứng với diện tích mặt nước nuôi thực tế. Chi phí sản xuất bao gồm các khoản chi phí trực tiếp, chủ yếu là chi phí con giống, thức ăn (chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất) và các chi phí cần thiết khác. Việc xác định đơn giá được tính toán theo các định mức kinh tế - kỹ thuật về nuôi trồng thủy sản, bao gồm mật độ thả giống, hệ số chuyển đổi thức ăn, tỷ lệ sống, thời gian nuôi và các chỉ tiêu kỹ thuật liên quan đối với từng đối tượng, hình thức nuôi; căn cứ các định mức kinh tế - kỹ thuật khuyến nông Trung ương do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) ban hành, cụ thể:

- Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24 tháng 10 năm 2008 Ban hành định mức tạm thời áp dụng cho các chương trình khuyến ngư;

- Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24 tháng 02 năm 2022 Về ban hành định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông Trung ương;

- Quyết định số 5183/QĐ-BNN-KN ngày 06 tháng 12 năm 2023 Về việc ban hành Định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông Trung ương.

Trên cơ sở các định mức kinh tế - kỹ thuật nêu trên và giá các yếu tố đầu vào phổ biến tại địa phương, đơn giá bồi thường được xác định bảo đảm phù hợp với thực tế sản xuất, làm căn cứ tính mức bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

- Chi phí đầu tư con giống:

Chi phí đầu tư con giống (đồng)	=	Số lượng giống thả (con)	x	Đơn giá giống (đồng/con)
---------------------------------	---	--------------------------	---	--------------------------

- Chi phí đầu tư thức ăn:

Được xác định theo định mức tiêu hao thức ăn của toàn bộ chu kỳ nuôi, căn cứ: số lượng giống thả; tỷ lệ sống; khối lượng thu hoạch theo định mức; hệ số chuyển đổi thức ăn (FCR); đơn giá thức ăn.

Chi phí thức ăn (đồng)	=	Số lượng giống thả (con)	x	Tỷ lệ sống	x	Khối lượng thu hoạch bình quân (kg/con)	x	Hệ số chuyển đổi thức ăn (FCR)	x	Đơn giá thức ăn (đồng/kg)
------------------------	---	--------------------------	---	------------	---	---	---	--------------------------------	---	---------------------------

- Công thức bồi thường dưới 50%

Số tiền bồi thường (đồng)	=	{Chi phí đầu tư con giống (đồng)	+	Chi phí đầu tư thức ăn (đồng)}	x	70%
---------------------------	---	----------------------------------	---	--------------------------------	---	-----

- Công thức từ 50% đến 80%

Số tiền bồi thường (đồng)	=	{Chi phí đầu tư con giống (đồng)	+	Chi phí đầu tư thức ăn (đồng)}	x	50%
---------------------------	---	----------------------------------	---	--------------------------------	---	-----

ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT CÁC MÔ HÌNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

1. Nuôi tôm quảng canh cải tiến trong ao nước lợ

Đơn vị tính: 01 ha

I. Yêu cầu kỹ thuật				
Các chỉ tiêu		Yêu cầu	Ghi chú	
Cỡ giống thả		PL15	Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật Khuyến nông Trung ương ban hành kèm theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
Mật độ thả		≤ 8 con/m ²		
Hệ số thức ăn		0.5		
Tỷ lệ sống		≥ 30%		
Cỡ thu hoạch		≥ 0,03 kg/con	Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật Khuyến nông Trung ương ban hành kèm theo Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
Năng suất		≥ 0,5 tấn/ha		
Thời gian nuôi		≤ 5 tháng		
II. Sản xuất trực tiếp				Ghi chú
Số lượng giống thả		Con	80.000	Có thể thay đổi theo thời điểm
Thức ăn sử dụng		Kg	360	
Giá con giống		Đồng/con	160	
Giá thức ăn		Đồng/kg	45.000	

2. Nuôi cua quảng canh cải tiến trong ao nước lợ

Đơn vị tính: 01 ha

I. Yêu cầu kỹ thuật		
Các chỉ tiêu	Yêu cầu	Ghi chú
Cỡ giống thả	$\geq 1,2$ cm	

Mật độ thả	0,5 con/m ²	Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật Khuyến nông Trung ương ban hành kèm theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
Hệ số thức ăn	5		
Tỷ lệ sống	≥ 60%	Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật Khuyến nông Trung ương ban hành kèm theo Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
Cỡ thu hoạch	≥ 0,3 kg/con		
Năng suất	≥ 0,75 tấn/ha		
Thời gian nuôi	5 tháng		
II. Sản xuất trực tiếp			Ghi chú
Số lượng giống thả	Con	5.000	Có thể thay đổi theo thời điểm
Thức ăn sử dụng	Kg	3.000	
Giá con giống	Đồng/con	900	
Giá thức ăn	Đồng/kg	8.000	

3. Nuôi tôm thâm canh trong ao nước lợ

Đơn vị tính: 01 ha

I. Yêu cầu kỹ thuật			
Các chỉ tiêu	Yêu cầu	Ghi chú	
Cỡ giống thả	PL12	Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật Khuyến nông Trung ương ban hành kèm theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
Mật độ thả	100 con/m ²		
Hệ số thức ăn	≤ 1.3		
Tỷ lệ sống	≥ 80%	Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật Khuyến nông Trung ương ban hành kèm theo Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
Cỡ thu hoạch	≥ 0,012 kg/con		
Năng suất	≥ 9 tấn/ha		
Thời gian nuôi	3 tháng		
II. Sản xuất trực tiếp			Ghi chú
Số lượng giống thả	Con	300.000	
Thức ăn sử dụng	Kg	3.744	
Giá con giống	Đồng/con	135	Có thể thay đổi theo thời điểm
Giá thức ăn	Đồng/kg	45.000	

4. Nuôi tôm quảng canh cải tiến trong ao nước ngọt

Đơn vị tính: 01 ha

I. Yêu cầu kỹ thuật

Các chỉ tiêu		Yêu cầu	Ghi chú
Cỡ giống thả		PL15	Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật Khuyến nông Trung ương ban hành kèm theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Mật độ thả		≤ 4 con/m ²	
Hệ số thức ăn		≤ 1.3	
Tỷ lệ sống		$\geq 60\%$	Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật Khuyến nông Trung ương ban hành kèm theo Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Cỡ thu hoạch		$\geq 0,03$ kg/con	
Năng suất		$\geq 0,5$ tấn/ha	
Thời gian nuôi		≤ 5 tháng	
II. Sản xuất trực tiếp			Ghi chú
Số lượng giống thả	Con	40.000	Có thể thay đổi theo thời điểm
Thức ăn sử dụng	Kg	936	
Giá con giống	Đồng/con	120	
Giá thức ăn	Đồng/kg	42.000	

5. Nuôi tôm thâm canh trong ao nước ngọt

Đơn vị tính: 01 ha

I. Yêu cầu kỹ thuật			
Các chỉ tiêu		Yêu cầu	Ghi chú
Cỡ giống thả		PL15	Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật Khuyến nông Trung ương ban hành kèm theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Mật độ thả		≥ 10 con/m ²	
Hệ số thức ăn		≤ 2.2	
Tỷ lệ sống		$\geq 50\%$	Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật Khuyến nông Trung ương ban hành kèm theo Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Cỡ thu hoạch		$\geq 0,03$ kg/con	
Năng suất		> 2 tấn/ha	
Thời gian nuôi		≤ 6 tháng	
II. Sản xuất trực tiếp			Ghi chú
Số lượng giống thả	Con	100.000	Có thể thay đổi theo thời điểm
Thức ăn sử dụng	Kg	3.300	
Giá con giống	Đồng/con	120	
Giá thức ăn	Đồng/kg	42.000	

6. Nuôi ghép các loại cá

Đơn vị tính: 01 ha

I. Yêu cầu kỹ thuật			
Các chỉ tiêu		Yêu cầu	Ghi chú
Cỡ giống thả		≥ 4 cm	Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật Khuyến nông Trung ương ban hành kèm theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Mật độ thả		3 con/m ²	
Hệ số thức ăn		≤ 1.5	
Tỷ lệ sống		≥ 70	Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật Khuyến nông Trung ương ban hành kèm theo Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Cỡ thu hoạch		$\geq 0,4$ kg/con	
Năng suất		≥ 8 tấn/ha	
Thời gian nuôi		≤ 10 tháng	
II. Sản xuất trực tiếp			Ghi chú
Số lượng giống thả	Con	30.000	Có thể thay đổi theo thời điểm
Thức ăn sử dụng	Kg	12.600	
Giá con giống	Đồng/con	750	
Giá thức ăn	Đồng/kg	12.000 (thức ăn bổ sung tự chế+ thức ăn xanh)	

7. Nuôi cá thâm canh

Đơn vị tính: 01 ha

I. Yêu cầu kỹ thuật			
Các chỉ tiêu		Yêu cầu	Ghi chú
Cỡ giống thả		≥ 8 cm/con	Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật Khuyến nông Trung ương ban hành kèm theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Mật độ thả		10 con/m ²	
Hệ số thức ăn		≤ 4.0	
Tỷ lệ sống		≥ 70	Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật Khuyến nông Trung ương ban hành kèm theo Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Cỡ thu hoạch		$\geq 0,5$ kg/con	
Năng suất		> 35 tấn/ha	
Thời gian nuôi		≤ 5 tháng	
II. Sản xuất trực tiếp			Ghi chú
Số lượng giống thả	Con	100.000	
Thức ăn sử dụng	Kg	140.000	

Giá con giống	Đồng/con	500	Có thể thay đổi theo thời điểm
Giá thức ăn	Đồng/kg	6.000 (cá tạp)	

8. Nuôi cá trong lồng bè

Đơn vị tính: 100 m³

I. Yêu cầu kỹ thuật				
Các chỉ tiêu		Yêu cầu	Ghi chú	
Cỡ giống thả		$\geq 6\text{ cm}$	Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật Khuyến nông Trung ương ban hành kèm theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
Mật độ thả		100 con/m ³		
Hệ số thức ăn		≤ 1.8		
Tỷ lệ sống		≥ 70		
Cỡ thu hoạch		$\geq 0,5\text{ kg/con}$		
Năng suất		$> 35\text{ kg/m}^3$	Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật Khuyến nông Trung ương ban hành kèm theo Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
Thời gian nuôi		$\leq 5\text{ tháng}$		
II. Sản xuất trực tiếp				Ghi chú
Số lượng giống thả		Con	10.000	Có thể thay đổi theo thời điểm
Thức ăn sử dụng		Kg	6.300	
Giá con giống		Đồng/con	750	
Giá thức ăn		Đồng/kg	26.000	

GIẢI TRÌNH CÁCH TÍNH TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG ĐỐI VỚI VẬT NUÔI LÀ THỦY SẢN

1. Về đơn giá bồi thường 50% khi thời gian nuôi từ 50% đến dưới 80% chu kỳ nuôi:

Lý do:

- Thủy sản đã phát triển, một số đối tượng có thể bán làm giống, bán cá cỡ nhỏ hoặc tiêu thụ với giá thấp.

- Người nuôi có khả năng thu hồi được một phần chi phí đầu tư thông qua thu hoạch sớm.

- Mức thiệt hại thực tế giảm so với giai đoạn đầu.

2. Về đơn giá bồi thường 70% khi thời gian nuôi dưới 50% chu kỳ nuôi:

Lý do:

- Thủy sản chưa đạt kích cỡ thương phẩm.

- Hầu như không có giá trị thương mại hoặc giá bán rất thấp.
- Người nuôi không thể thu hồi vốn đầu tư đã bỏ ra (giống, thức ăn...).
- Nếu buộc thu hoạch sớm thì gần như mất toàn bộ giá trị của vụ nuôi.

* Mức bồi thường được xác định tương ứng với mức độ thiệt hại thực tế của từng giai đoạn sinh trưởng của vật nuôi. Đối với vật nuôi chưa đạt kích cỡ thương phẩm hoặc chưa đủ điều kiện thu hoạch theo định mức kinh tế kỹ thuật nuôi trồng thủy sản, thiệt hại về chi phí đầu tư chưa thu hồi lớn hơn nên áp dụng mức bồi thường cao hơn; đối với vật nuôi đã phát triển đến giai đoạn có khả năng thu hoạch hoặc tiêu thụ một phần, áp dụng mức bồi thường thấp hơn.

3. Về không bồi thường khi thời gian nuôi từ 80% chu kỳ nuôi trở lên hoặc vật nuôi đã đạt kích cỡ thương phẩm, đủ điều kiện thu hoạch theo định mức kinh tế kỹ thuật nuôi trồng thủy sản thì không bồi thường.

Lý do: Đối với vật nuôi ở giai đoạn này, người nuôi có khả năng thu hoạch, tiêu thụ sản phẩm và thu hồi phần lớn hoặc toàn bộ chi phí đầu tư của vụ nuôi; việc thu hoạch sớm không làm phát sinh thiệt hại đáng kể về chi phí đầu tư chưa thu hồi.

Việc quy định mức bồi thường 70% đối với vật nuôi dưới 50% chu kỳ nuôi và 50% đối với vật nuôi từ 50% đến dưới 80% chu kỳ nuôi được xây dựng trên cơ sở khảo sát thực tế sản xuất thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Trong giai đoạn đầu của vụ nuôi, vật nuôi chưa đạt kích cỡ thương phẩm, không đủ điều kiện thu hoạch, người nuôi hầu như không có khả năng thu hồi chi phí đầu tư đã bỏ ra. Ở giai đoạn từ 50% đến dưới 80% chu kỳ nuôi, vật nuôi đã phát triển, có thể thu hoạch hoặc tiêu thụ một phần tùy theo từng đối tượng nuôi, do đó mức độ thiệt hại giảm và tỷ lệ bồi thường được xác định thấp hơn.